

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 7 - 2025

V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Hận

2. Ông Võ Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Muội – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị N, sinh ngày 01/01/1991; địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã L, tỉnh Cần Thơ)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị N: Bà Thái Thị D trợ giúp viên pháp lý trong tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước – Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm T, phường V, tỉnh Cà Mau).

(Bà D có mặt, chị N, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Sơn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2015, có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật vào ngày 20/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường V, tỉnh Cà Mau). Việc kết hôn là do hai người tự nguyện không bị ai ép

buộc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị lúc đầu rất hạnh phúc nhưng về sau do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp về tính tình nên thường cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tuy hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, tạo cơ hội cho đôi bên nhưng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay chị N cảm thấy cuộc sống vợ chồng với anh H không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị N xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N xác định trong quá trình chung sống chị và anh H có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/3/2018 và cháu Trịnh Văn N1, sinh ngày 16/6/2016, hiện cháu H1 đang sống chung với chị N, cháu N1 đang sống chung với anh H. Khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1, chị N đồng ý giao cháu N1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trịnh Văn H: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến của anh H về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Sơn Thị N có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Trịnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N, anh H là đúng quy định. Về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh H chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật ngày 20/7/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Giữa chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung: Cháu Trịnh Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/3/2018 đang sống chung với chị N và cháu Trịnh Văn N1, sinh ngày 16/6/2016 đang sống chung với anh H. Khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1, chị N đồng ý giao cháu N1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành nên đề nghị giao cháu H1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu N1 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không

yêu cầu. Đối với tài sản chung và nợ chung do không có nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

Về tố tụng:

Chị Sơn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trịnh Văn H có cư trú tại khóm T, phường V, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Sơn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trịnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị N và anh Trịnh Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 20/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường V, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị N có đơn yêu cầu ly hôn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh H không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị N kiên quyết ly hôn cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cả chị N và anh H không thiết tha vun đắp cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sơn Thị N.

[2] Về nuôi con chung: Chị N xác định chị và anh H có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/3/2018, đang sống chung với chị N và cháu Trịnh Văn N1, sinh ngày 16/6/2016 đang sống chung với anh H. Khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1, chị N đồng ý giao cháu N1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét yêu cầu của chị N, thấy rằng hiện cháu H1 đang chung sống với chị N nên để đảm bảo cuộc sống ổn định, sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu cần giao cháu H1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trịnh Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Đối với cháu N1 đang sống chung với anh H, anh H không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng cháu N1 và không có ý kiến trình bày nên chấp nhận ý kiến của chị N, giao cháu N1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Anh H, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung mà không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ anh chị, anh H không có ý kiến khác về vấn đề này nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Chị Sơn Thị N có yêu cầu xin ly hôn với anh Trịnh Văn H nên chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000204 ngày 18/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau) được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sơn Thị N đối với anh Trịnh Văn H.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Trịnh Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/3/2018 cho chị Sơn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hiện cháu H1 đang sống chung với chị N được giữ nguyên.

Giao cháu Trịnh Văn N1, sinh ngày 16/6/2016 cho anh Trịnh Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hiện cháu N1 đang sống chung với anh H được giữ nguyên.

Anh Trịnh Văn H, chị Sơn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N, anh H không yêu cầu.

Anh H, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Sơn Thị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000204 ngày 18/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau) được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Cà Mau;
-VKSND KV6-Cà Mau;
-Phòng THADS KV6-Cà Mau;
-UBND nơi đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu HS.

Lâm Thị Tuyết Anh